



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
Huế, 2026

35.	TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SẮP XẾP VÀ TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH ĐẾN DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÝ HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM	<i>Nguyễn Ngọc Ánh</i>	478
36.	THE ROLE OF PHILOSOPHY IN DEVELOPING CRITICAL THINKING, PROFESSIONAL ETHICS AND SOCIAL RESPONSIBILITY IN UNIVERSITY STUDENTS	<i>Duong Van Khoa Ho Thanh Hai Vi Van Thao</i>	492
37.	CULTURAL ADAPTATION AND VALIDATION OF THE TEACHERS PERCEPTION SCALE TOWARD AI USE IN EDUCATION: A FOUR-FACTOR MODEL FROM VIETNAM	<i>Thi Thuy Hang Pham Hung Thanh Nguyen</i>	505
38.	THIẾT KẾ HỆ THỐNG VIDEO TRONG DẠY HỌC BÀI “CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)”, LỊCH SỬ 12 ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYÊN ĐỔI SỐ VÀ TĂNG CƯỜNG TÍNH TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH	<i>Lê Thị Quý Đức</i>	524
39.	DESIGN DIGITAL LEARNING MATERIALS IN TEACHING ECONOMIC AND LEGAL EDUCATION	<i>Hoang Phi Hai Le Thi Qui Duc</i>	534
40.	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NHẪM NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO SINH VIÊN	<i>Trần Như Hiền</i>	546
41.	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO DẠY HỌC NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI LỚP 10 TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH CHUYÊN ĐỔI SỐ	<i>Võ Thị Thùy Dung Nguyễn Thị Lương Nguyễn Hữu Khánh Dương Bảo Ninh Phan Kiều Thuận</i>	558
42.	PRACTICAL APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE NATURAL CULTURAL EDUCATION TEACHING HISTORY AND GEOGRAPHY FOR 4-5 TH GRADE STUDENTS IN THAI NGUYEN PROVINCE	<i>Hoàng Thị Mỹ Hạnh</i>	573
43.	AI APPLICATIONS IN SOFT SKILLS ASSESSMENT: A CASE STUDY AT DONG NAI TECHNOLOGY UNIVERSITY	<i>Nguyen Thi Loan</i>	580
44.	ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÝ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC	<i>Đỗ Vũ Sơn Nguyễn Thị Thanh Vy</i>	591

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NHẪM NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO SINH VIÊN

Trần Như Hiền

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, thách thức lớn nhất trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị (LLCT) tại các trường đại học Việt Nam là chuyển hóa tri thức lý luận kinh điển thành nhận thức, thái độ và hành động thiết thực cho sinh viên đối với vấn đề phát triển bền vững (PTBV). Bài viết nhằm làm rõ vai trò chiến lược và đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy LLCT, với mục tiêu cốt lõi là nâng cao hiệu quả giáo dục PTBV, kiến tạo mô hình “Tam giác Chiến lược” (LLCT - Công nghệ số - PTBV) trong môi trường đại học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích biện chứng để làm rõ mối quan hệ tương hỗ giữa ba nhân tố, kết hợp với khảo sát thực tiễn (sinh viên, giảng viên) tại các trường đại học Việt Nam để đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ và tích hợp nội dung PTBV hiện tại. Trên cơ sở chỉ ra những rào cản chính (như ứng dụng công nghệ mang tính hình thức, học liệu số nghèo nàn, thiếu tiêu chí đánh giá ESD), tác giả đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ và khả thi về đổi mới nội dung chương trình, phương pháp sư phạm (khuyến nghị sử dụng AI, VR/AR) và chính sách hỗ trợ, nhằm tạo ra sự chuyển biến thực chất trong nhận thức và hành động của sinh viên về tương lai bền vững của đất nước và toàn cầu.

Từ khóa: Công nghệ số, lý luận chính trị, phát triển bền vững, giáo dục đại học, đổi mới phương pháp giảng dạy, nhận thức của sinh viên.

1. MỞ ĐẦU

Thế giới ngày nay đang vận động trong hai dòng chảy lớn định hình tương lai nhân loại: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với cốt lõi là chuyển đổi số và yêu cầu cấp bách về phát triển bền vững (PTBV) trước những thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và bất bình đẳng xã hội. Việt Nam, trong quá trình hội nhập sâu rộng, đã xác định rõ chiến lược kép này. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh mục tiêu “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.115] và yêu cầu “chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu... xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.330-331].

Dựa trên những kinh nghiệm thực tiễn từ Phần Lan [Liikanen, J, 2018, tr.45-60], Hàn Quốc [Kim, Y. S., & Lee, H. J, 2019, tr. 1123-1138] và Đức [Müller, A., & Schmidt, M, 2020, tr. 89-105], các quốc gia phát triển đã khẳng định tính hiệu quả của mô hình tích hợp xuyên suốt giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) với công nghệ

số, qua đó nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và tư duy bền vững cho người học. Hòa cùng với xu hướng quốc tế, “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 749/QĐ-TTg) đã xác định giáo dục là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu, với mục tiêu thay đổi toàn diện phương pháp dạy và học [Thủ tướng Chính phủ, 2020]. Ngày 25/1/2022, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg, phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” [Thủ tướng Chính phủ, 2022]. Trên cơ sở đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn cụ thể công tác chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục. Ngày 18/3/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT (Thông tư - Bộ Giáo dục và Đào tạo) ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học. Ngày 10/05/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT (Quyết định-Bộ Giáo dục và Đào tạo) Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025 [Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022a].

Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học, đặc biệt là khối các môn khoa học xã hội và nhân văn, có sứ mệnh tiên phong trong việc đào tạo nguồn nhân lực không chỉ vững về chuyên môn mà còn có tầm nhìn, tư duy và trách nhiệm công dân toàn cầu. Các môn Lý luận chính trị (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam) giữ vai trò nền tảng trong việc xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên. Việc giảng dạy các môn học này không thể tách rời khỏi hơi thở của thời đại. Làm thế nào để những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là những kiến thức kinh điển mà còn là "kim chỉ nam" soi đường cho sinh viên giải quyết các vấn đề đương đại như phát triển bền vững? Làm thế nào để tận dụng sức mạnh của công nghệ số, biến nó thành công cụ hữu hiệu để truyền tải những giá trị đó một cách sinh động, hấp dẫn và hiệu quả? Thách thức lớn nhất đặt ra là làm thế nào để tận dụng sức mạnh của công nghệ số, biến nó thành công cụ hữu hiệu để chuyển hóa những nguyên lý kinh điển, vốn bị coi là khô khan, thành nhận thức, thái độ và hành động thiết thực, soi đường cho sinh viên giải quyết các vấn đề đương đại như PTBV. Việc ứng dụng công nghệ số một cách sáng tạo trong giảng dạy LLCT nhằm nâng cao nhận thức về PTBV cho sinh viên là một yêu cầu cấp thiết, mang tính chiến lược đối với chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Trong bài viết: "Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy các môn lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức về phát triển bền vững cho sinh viên", chúng tôi - những giảng viên giảng dạy các môn LLCT mong muốn góp phần tìm ra lời giải cho bài toán cấp thiết này.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Các khái niệm công cụ (Phát triển bền vững, công nghệ số, ESD)

Phát triển bền vững (Sustainable Development): khái niệm này được định nghĩa chính thức lần đầu trong Báo cáo Brundtland (1987) của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) là "sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai". Nội hàm của phát triển bền vững được cấu thành bởi ba trụ cột không thể tách rời: kinh tế bền vững, xã

hội bền vững và môi trường bền vững. Năm 2015, Liên Hợp Quốc đã cụ thể hóa thành 17 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs), trở thành chương trình nghị sự toàn cầu đến năm 2030.

Công nghệ số trong giáo dục: nghĩa là việc áp dụng công nghệ, cũng dựa vào mục đích, cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục và được ứng dụng dưới 3 hình thức chính: Ứng dụng công nghệ trong lớp học: Cơ sở vật chất lớp học, công cụ giảng dạy [14]. Nó bao gồm một phổ rộng các công cụ và phương pháp, từ cơ bản như bài giảng điện tử (PowerPoint), hệ thống quản lý học tập (LMS), email, đến các công nghệ tiên tiến hơn như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/tăng cường (VR/AR), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), và các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs).

Giáo dục vì sự phát triển bền vững (Education for Sustainable Development - ESD): được UNSECO định nghĩa là quá trình giáo dục trang bị cho người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để định hình một tương lai bền vững [UNESCO, 2017]]. Đây là một cấu trúc tâm lý đa thành phần, bao gồm: (1) Tri thức: Hiểu biết về các khái niệm, nguyên tắc, thách thức và mục tiêu của phát triển bền vững; (2) Thái độ: Có ý thức, niềm tin và sự quan tâm đúng đắn đối với các vấn đề bền vững; (3) Hành vi: Sẵn sàng và chủ động tham gia vào các hành động cụ thể để góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong cuộc sống hàng ngày.

2.1.2. Mối quan hệ biện chứng giữa Lý luận chính trị, công nghệ số và phát triển bền vững

Ba yếu tố này có mối quan hệ tương hỗ, tạo thành một "tam giác chiến lược" trong giáo dục đại học hiện đại, trong đó: *Lý luận chính trị* là nền tảng tư tưởng, *Phát triển bền vững* là mục tiêu cốt lõi, và *Công nghệ số* là phương tiện đột phá để hiện thực hóa mục tiêu giáo dục.

Lý luận chính trị là nền tảng tư tưởng cho phát triển bền vững.

Phép biện chứng duy vật trong Triết học Mác-Lênin cung cấp cơ sở phương pháp luận để nhận thức mối quan hệ hữu cơ giữa tự nhiên và xã hội, giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Ví dụ về sự phát triển từ xe ôm truyền thống sang xe ôm công nghệ (Grab/Gojek) minh họa rõ ràng: sự phát triển của lực lượng sản xuất (công nghệ định vị, thuật toán) buộc quan hệ sản xuất (cách thức tổ chức dịch vụ) phải thay đổi để tạo ra một mô hình hiệu quả hơn. Về mặt liên hệ với phát triển bền vững, mô hình này tạo ra hiệu quả kinh tế và tiện lợi xã hội, đồng thời đặt ra các vấn đề về lao động bền vững và tiềm năng giảm khí thải thông qua tối ưu hóa cuộc xe.

Tư tưởng Hồ Chí Minh với lời kêu gọi "Tết trồng cây" không chỉ mang ý nghĩa bảo vệ môi trường mà còn chứa đựng triết lý sâu sắc về sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên.

Công nghệ số là phương tiện đột phá (chất xúc tác) để hiện thực hóa mục tiêu giáo dục vì sự Phát triển Bền vững (ESD).

Khi được sử dụng đúng cách, công nghệ số giúp chuyển hóa các cấu phần của ESD (Tri thức, Thái độ, Hành vi).

Trực quan hóa kiến thức: sinh viên có thể xem video 3D mô phỏng tác động của biến đổi khí hậu, tham gia các chuyến tham quan thực tế ảo, từ đó củng cố tri thức về PTBV.

Tăng cường tương tác và cá nhân hóa: các nền tảng LMS, diễn đàn thảo luận sôi nổi giúp thúc đẩy sự quan tâm, ý thức đúng đắn, hình thành thái độ tích cực đối với các vấn đề bền vững.

Kết nối toàn cầu: sinh viên dễ dàng tiếp cận các bài giảng quốc tế, tham gia hội thảo trực tuyến về PTBV, mở rộng tầm nhìn và hành vi công dân toàn cầu.

2.1.3. Kinh nghiệm quốc tế trong việc tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) và công nghệ số

Nhiều quốc gia phát triển đã đi trước trong việc tích hợp ESD vào trường trình giáo dục và tận dụng công nghệ số. Có thể nêu ra đây một số kinh nghiệm của các nước sau:

Phần Lan: Nước này không coi ESD là một môn học riêng lẻ mà là một chủ đề "xuyên suốt" (cross-curricular) trong tất cả các môn học. Họ thúc đẩy mô hình "Học tập dựa trên hiện tượng" (Phenomenon-based Learning), trong đó sinh viên sẽ nghiên cứu các chủ đề phức hợp như "Biến đổi khí hậu" từ nhiều góc độ (vật lý, hóa học, xã hội học, chính trị học). Công nghệ số được dùng làm công cụ để sinh viên tự nghiên cứu, làm việc nhóm và trình bày các dự án đa phương tiện [Liikanen, J, 2018, tr.45-60].

Hàn Quốc: chú trọng xây dựng các nền tảng học tập trực tuyến (e-learning platforms) cung cấp các khóa học chất lượng cao về "tăng trưởng xanh". Họ phát triển các ứng dụng game mô phỏng (simulation games) cho phép người học đóng vai các nhà hoạch định chính sách, phải đưa ra quyết định cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, từ đó trải nghiệm tính phức tạp của phát triển bền vững [Kim, Y. S., & Lee, H. J, 2019, tr. 1123-1138].

Đức: các trường đại học Đức đẩy mạnh các dự án nghiên cứu và học tập liên ngành, xuyên quốc gia. Sinh viên Đức có thể tham gia các dự án hợp tác trực tuyến với sinh viên ở các nước đang phát triển để cùng giải quyết một vấn đề môi trường cụ thể, sử dụng công nghệ để giao tiếp, chia sẻ dữ liệu và làm việc chung [Müller, A., & Schmidt, M, 2020, tr. 89-105].

Bài học rút ra cho Việt Nam: Thứ nhất, cần có cách tiếp cận tích hợp, xuyên suốt thay vì coi ESD là một nội dung phụ; thứ hai, đầu tư vào phát triển học liệu số chất lượng cao và các phương pháp sư phạm sáng tạo; thứ ba, thúc đẩy hợp tác, học tập dựa trên dự án để sinh viên có trải nghiệm thực tế.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Khung chính sách và pháp lý

Với mục tiêu đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học các môn học nói chung, các môn lý luận chính trị ở các trường đại học nói riêng, Thủ

tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 117/2017/QĐ-TTg, ngày 25-1-2017, phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025” với mục tiêu chung là: “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở trung ương và các địa phương; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” [Thủ tướng Chính phủ, 2017].

Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó, xác định giáo dục là một trong 8 lĩnh vực cần được ưu tiên thực hiện chuyển đổi số. Do đó, chuyển đổi số đã, đang và sẽ là yêu cầu bắt buộc để các cơ sở giáo dục phải thực hiện để bảo đảm kế hoạch tiến độ, bảo đảm chất lượng đào tạo, bảo đảm mọi hoạt động trong tổ chức đào tạo và quản lý để hướng đến phát triển bền vững; góp phần đào tạo nhân lực có chất lượng, bảo đảm cho phát triển kinh tế [Thủ tướng Chính phủ, 2020].

Đồng thời, thông qua Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”, nêu rõ quan điểm: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của các cơ sở giáo dục và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội. Đây được xem là cơ sở pháp lý quan trọng để các trường đại học tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ số vào hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục lý luận chính trị nói riêng quá trình hội nhập hiện nay [Thủ tướng Chính phủ, 2022].

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã chỉ đạo: Chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội [Bộ Chính trị, 2019].

Ngày 22-12-2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 57-NQ/TW “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”, xác định khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu,

là yếu tố quyết định, là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết 57 đặt ra yêu cầu cấp bách cho giáo dục đại học trong kỷ nguyên số, tập trung vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới quản lý và tăng cường kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo [Bộ Chính trị, 2024]].

Trên cơ sở quyết định khung của của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản trực tiếp để chỉ đạo triển khai chuyển đổi số sau: Quyết định số 1282/QĐ - BGDDT ngày 10-5-2022 ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022a]]; Quyết định số 4740/QĐ-BGDDT ngày 30-12-2022 ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học [Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022b]. Những quyết định này tạo thành một hệ thống văn bản pháp lý tương đối hoàn chỉnh, vừa định hướng vĩ mô, vừa hướng dẫn chi tiết, là cơ sở để các trường đại học tại Việt Nam xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số của riêng mình.

Đối với các môn lý luận chính trị, Bộ GD và ĐT đã ban hành các Thông tư quy định về chương trình các môn học, trong đó có nhấn mạnh yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn. Tuy nhiên, các văn bản này chủ yếu vẫn tập trung vào chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học, chưa có những hướng dẫn cụ thể, mang tính bắt buộc về việc phải tích hợp nội dung phát triển bền vững như thế nào và ở mức độ nào. Tương tự, các chủ trương về chuyển đổi số trong giáo dục đã có, nhưng chưa có bộ tiêu chí rõ ràng để đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ trong giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, dẫn đến việc triển khai còn mang tính hình thức.

2.2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy lý luận chính trị

Để có cái nhìn khách quan, chúng tôi thông qua kênh khảo sát bằng bảng hỏi với hơn 200 sinh viên sau mỗi kỳ học kết thúc và thông qua phỏng vấn sâu với 15 giảng viên chuyên ngành lý luận chính trị ở một số trường đại học. Tác giả đã sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phương pháp phân tích nội dung (content analysis) đối với các ý kiến phản hồi về bài giảng. Cụ thể:

Về khảo sát dữ liệu định lượng (200 sinh viên): Tác giả đã căn cứ vào việc sử dụng công cụ thống kê để phân tích dữ liệu từ bảng hỏi. Việc này giúp xác định mức độ ứng dụng công nghệ và khẳng định tính chính xác của các yếu tố liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

Về phỏng vấn (15 giảng viên): Đây là dữ liệu định tính, đối với phương pháp phân tích nội dung, tác giả đã lượng hóa các ý kiến phản hồi của 15 giảng viên về vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ.

Kết quả chúng tôi nhận được với một bức tranh đa chiều với những điểm sáng, cũng như những điểm nghẽn thách thức trong đó.

** Những kết quả đạt được như sau:*

Bảng 1. Tổng hợp kết quả khảo sát nổi bật về thực trạng giảng dạy Lý luận chính trị

Kết quả khảo sát sinh viên (N = 200 sinh viên)

Chỉ số khảo sát	Chi tiết kết quả	Tỷ lệ/ Mức độ
1. Mức độ hứng thú	Sinh viên cảm thấy "Rất hứng thú" hoặc "Hứng thú" với các môn LLCT	25%
	Sinh viên cảm thấy "Bình thường"	55%
	Sinh viên cảm thấy "Không hứng thú"	20%
2. Tính ứng dụng/ Liên hệ thực tiễn	Sinh viên cho rằng môn học còn "Nặng về lý thuyết, thiếu liên hệ thực tiễn"	72%
3. Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy	Giờ học có sử dụng bài giảng điện tử (Slide)	85%
	Giảng viên thường xuyên sử dụng các công cụ tương tác khác (Kahoot, Mentimeter, khảo sát nhanh, game...)	15%
4. Nhận thức về phát triển bền vững (SDGs)	Sinh viên có thể kể tên được trên 5/17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs)	30%
	Sinh viên hiếm khi hoặc chưa bao giờ được nghe phân tích về các vấn đề SDGs trong giờ học LLCT	65%

Kết quả khảo sát giảng viên (N = 15 giảng viên)

Chỉ số khảo sát	Nội dung kết quả	Mức độ Phổ biến
1. Phổ cập hóa các công cụ cơ bản	Giảng viên sử dụng bài giảng điện tử (PowerPoint) trong giờ học	100%
	Giảng viên sử dụng các kênh liên lạc (Zalo, Email) để gửi tài liệu và thông báo	Khoảng 80%
	Trường học đã xây dựng hệ thống học liệu số/thư viện điện tử	Hầu hết các trường
2. Sự chủ động bước đầu của giảng viên	Giảng viên trẻ, năng động đã bắt đầu tìm tòi, ứng dụng các công cụ mới (Kahoot!, Mentimeter) để tạo trò chơi tương tác	Một bộ phận
	Giảng viên sử dụng Google Classroom/Microsoft Teams để quản lý lớp học hiệu quả hơn (đặc biệt sau COVID-19)	Một bộ phận
3. Sự hình thành nhận thức ban đầu	Bài giảng đã bắt đầu lồng ghép các ví dụ thực tiễn (sự cố Formosa, bất bình đẳng thu nhập) để minh họa các nguyên lý lý luận	Có hình thành

** Những hạn chế và tồn tại:*

Bên cạnh những kết quả trên, quá trình ứng dụng công nghệ số vẫn còn nhiều rào cản lớn, khiến hiệu quả chưa được như kỳ vọng.

Nội dung và chương trình thiếu tính hệ thống. Nội dung về phát triển bền vững được tích hợp một cách rời rạc, tự phát, phụ thuộc nhiều vào sự nhiệt tình và hiểu biết của từng giảng viên hơn. Chưa có một chuẩn đầu ra rõ ràng về nhận thức phát triển bền vững cho sinh viên sau khi học xong các môn này.

Học liệu số nghèo nàn: học liệu chủ yếu là các file PDF, slide bài giảng tĩnh, thiếu các tài nguyên đa phương tiện (video, mô phỏng, podcast) có chất lượng cao, được thiết kế chuyên nghiệp cho mục đích sư phạm.

Về phương pháp và kỹ năng vẫn là "bình mới rượu cũ". Phần lớn việc ứng dụng công nghệ chỉ dừng lại ở việc "số hóa" bài giảng truyền thống, tức là thay bảng đen phấn trắng bằng máy chiếu. Tư duy sư phạm chưa thực sự thay đổi, vẫn là phương pháp thuyết trình một chiều, lấy giảng viên làm trung tâm.

Rào cản kỹ năng số: qua phỏng vấn sâu với các giảng viên (đặc biệt là các giảng viên lớn tuổi) cảm thấy thiếu tự tin, gặp khó khăn khi sử dụng các công nghệ mới ngoài các ứng dụng văn phòng cơ bản.

Kỹ năng tự học của sinh viên: mặc dù thành thạo các mạng xã hội, nhưng nhiều sinh viên lại thiếu kỹ năng tự học có định hướng, dễ bị xao nhãng, và chưa biết cách khai thác thông tin học thuật một cách hiệu quả trên không gian mạng.

Về cơ sở vật chất và chính sách: hạ tầng không đồng bộ. Chất lượng đường truyền internet, hệ thống máy chiếu, máy tính phòng học ở một số nơi còn chưa ổn định, ảnh hưởng đến trải nghiệm dạy và học.

Thiếu chính sách khuyến khích: chưa có các cơ chế, chính sách đủ mạnh để ghi nhận, động viên và khuyến khích giảng viên dành thời gian, công sức để đổi mới phương pháp, xây dựng học liệu số. Áp lực về giờ dạy, nghiên cứu khoa học theo các tiêu chí truyền thống khiến nhiều người ngại thay đổi.

2.3. Một số giải pháp và kiến nghị

2.3.1. Nhóm giải pháp

Nhóm giải pháp về đổi mới nội dung, chương trình

- Chuẩn hóa và tích hợp: xây dựng lại chuẩn đầu ra cho các học phần LLCT, yêu cầu rõ ràng về kiến thức, thái độ và kỹ năng liên quan đến phát triển bền vững.

- Xây dựng "bản đồ" tích hợp: Xác định rõ mỗi học phần tương ứng với các mục tiêu SDGs nào (ví dụ: Kinh tế chính trị tập trung vào SDG 8, 10, 12; Tư tưởng Hồ Chí Minh khai thác các nội dung về bảo vệ môi trường).

- Xây dựng kho học liệu số dùng chung: đầu tư cấp quốc gia hoặc cấp trường để xây dựng một hệ thống học liệu số mở (OER) chất lượng cao (e-learning, video, case study) do chuyên gia biên soạn.

Nhóm giải pháp về đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá

- Chuyển đổi từ thuyết giảng sang kiến tạo: khuyến khích mạnh mẽ các phương pháp sư phạm hiện đại có sự hỗ trợ của công nghệ:

- Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom): giảng viên cung cấp video bài giảng, tài liệu cho sinh viên tự nghiên cứu trước ở nhà. Thời gian trên lớp sẽ dành cho thảo luận sâu, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm.

- Học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning): giao cho sinh viên các dự án nghiên cứu thực tế, ví dụ: "Phân tích thực trạng ô nhiễm rác thải nhựa tại địa phương dưới góc nhìn của triết học Mác-Lênin về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội". Sinh viên sẽ phải sử dụng các công cụ số để thu thập dữ liệu, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm (báo cáo, video, website...).

- Trò chơi hóa (Gamification): sử dụng các ứng dụng như Kahoot!, Quizizz để tạo các bài kiểm tra nhanh, các cuộc thi nhỏ trong lớp học, giúp không khí trở nên sôi nổi và kiến thức được củng cố một cách tự nhiên.

- Đa dạng hóa hình thức kiểm tra đánh giá: vượt ra ngoài các bài thi viết truyền thống. Có thể đánh giá sinh viên qua các sản phẩm dự án, portfolio điện tử, các bài luận video (video essay), hoặc các bài kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến có giám sát.

Nhóm giải pháp về phát triển đội ngũ và chính sách hỗ trợ

- Nâng cao năng lực số và sư phạm số cho giảng viên: tổ chức các khóa tập huấn, workshop thường xuyên, không chỉ dạy cách sử dụng công cụ mà quan trọng hơn là dạy cách tư duy và thiết kế bài giảng hiệu quả trên môi trường số. Xây dựng các cộng đồng học tập chuyên môn để các giảng viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích: cần có chính sách cụ thể để công nhận và khen thưởng những giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy. Ví dụ: tính giờ nghiên cứu khoa học cho việc xây dựng học liệu số chất lượng cao, ưu tiên trong xét duyệt các danh hiệu thi đua, hỗ trợ kinh phí...

- Đầu tư vào hạ tầng: các trường cần đảm bảo hệ thống Wi-Fi mạnh, ổn định trong toàn bộ khuôn viên, trang bị phòng học thông minh, và cung cấp các nền tảng phần mềm bản quyền cần thiết cho giảng viên và sinh viên.

2.3.2. Một số kiến nghị

Thứ nhất, đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: cần sớm ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về việc tích hợp nội dung phát triển bền vững vào chương trình các môn lý luận chính trị. Thúc đẩy các dự án xây dựng kho học liệu số quốc gia dùng chung.

Thứ hai, đối với các trường đại học: cần xây dựng một chiến lược chuyển đổi số toàn diện, trong đó ưu tiên đầu tư cho việc nâng cấp hạ tầng và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên. Cần thay đổi chính sách đánh giá, thi đua theo hướng khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giảng dạy.

Thứ ba, đối với đội ngũ giảng viên: cần vượt qua tâm lý ngại thay đổi, chủ động và không ngừng học hỏi để nâng cao năng lực số và kỹ năng sư phạm hiện đại. Hãy là người truyền cảm hứng, thắp lên trong sinh viên ngọn lửa của tri thức và trách nhiệm với tương lai bền vững của đất nước.

3. KẾT LUẬN

Ứng dụng công nghệ số trong dạy học các môn lý luận chính trị không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là một giải pháp chiến lược để giải quyết "bài toán kép": vừa làm mới, hấp dẫn hóa các môn học vốn bị coi là khô khan, vừa nâng cao nhận thức cho thế hệ tương lai về một trong những vấn đề sống còn của nhân loại - phát triển bền vững.

Bài viết đã khẳng định tính chiến lược của việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy các môn Lý luận Chính trị (LLCT) nhằm mục tiêu cốt lõi là nâng cao nhận thức về Phát triển Bền vững (PTBV) cho sinh viên. Mô hình “Tam giác Chiến lược” (LLCT - Công nghệ số - PTBV) được xác lập là khuôn khổ lý luận cần thiết để chuyển hóa tri thức kinh điển thành năng lực hành động trong kỷ nguyên số.

Kết quả nghiên cứu chính đã chỉ ra những mâu thuẫn và rào cản thực tiễn:

Nhận thức còn hạn chế: Mặc dù 85% giờ học có sử dụng công nghệ (slide), nhưng chỉ 25% sinh viên thực sự hứng thú với môn học và 65% hiếm khi được phân tích về các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) trong giờ học.

Rào cản về phương pháp và học liệu: Việc ứng dụng công nghệ phần lớn dừng lại ở mức "số hóa" bài giảng truyền thống, thiếu sự đột phá về tư duy sư phạm. Học liệu số chất lượng cao và các phương pháp sư phạm hiện đại (như PBL, Flipped Classroom) chưa được áp dụng rộng rãi.

Thiếu cơ chế đồng bộ: Tồn tại khoảng trống về chính sách, đặc biệt là thiếu các bộ tiêu chí đánh giá mức độ tích hợp ESD và cơ chế khuyến khích giảng viên đổi mới.

Từ đó, bài viết đã đề xuất hệ thống khuyến nghị đồng bộ và khả thi nhằm tạo ra sự chuyển biến thực chất.

Bài viết này hi vọng sẽ cung cấp cơ sở khoa học và định hướng thực tiễn để các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam vượt qua các thách thức hiện tại, tận dụng công nghệ số như một đòn bẩy chiến lược, góp phần đào tạo thế hệ công dân có trách nhiệm và năng lực hành động vì một tương lai bền vững của đất nước và toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022a). *Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022- 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022b). *Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.*
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.* NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
- Kim, Y. S., & Lee, H. J. (2019). The Role of Simulation Games in Fostering Sustainable Development Goals Awareness in Korean Higher Education. *Sustainability Journal*, 11(4), 1123-1138.